TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31/3/2023
V/v tranh chấp ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN KIM NGỌC**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **NGUYỄN VĂN HIỀN**
- Bà **NGUYỄN THỊ KIM HẠNH**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông CHIÊM HẢI ÂN – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 541/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc: "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị T T C, sinh năm 1987 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh T

- ***Bị đơn***: Anh N V P, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B B, xã t, h c, t T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 22/7/2022 nguyên đơn chị T T C trình bày*:** Do mai mối, chị và anh N V P tiến tới hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh P đến tháng 05/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, thường hay cự cãi nhau, vợ chồng đã ly thân từ tháng 05/2018 đến nay.

- Về con chung: Chị Cẩm và anh N V P có 02 con chung tên N Q Đ, sinh ngày 15/3/2006 và N V T, sinh ngày 20/01/2008, hiện 02 cháu do chị Cẩm nuôi

dưỡng, chị Cẩm yêu cầu tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay chị T T C xin ly hôn anh N V P, yêu cầu nuôi 02 con chung tên N Q Đ, sinh ngày 15/3/2006 và N V T, sinh ngày 20/01/2008, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn anh N V P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T T C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án***: Xét thấy, bị đơn anh N V P cư trú: Ấp B B, xã t, h c, t T. Do đó, tranh chấp ly hôn giữa chị Cẩm và anh P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án đã triệu tập, tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn anh N V P nhưng anh vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

- Chị T T C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] ***Về quan hệ hôn nhân***: Theo nguyên đơn chị T T C trình bày, chị và anh N V P tiến tới hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh P đến tháng 05/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, thường hay cự cãi nhau, vợ chồng đã ly thân từ tháng 05/2018 đến nay, đối với bị đơn Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho anh N V P nhưng anh không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Cẩm và anh P vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy anh P đã không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh và chị Cẩm. Xét thấy, thời gian anh chị ly thân cũng đã lâu và không còn quan tâm nhau nữa, tình cảm vợ chồng anh, chị không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56

của Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận cho chị Cẩm được ly hôn với anh P là phù hợp.

[3] ***Về con chung*****:** Chị T T C và anh N V P có 02 con chung tên N Q Đ, sinh ngày 15/3/2006 và N V T, sinh ngày 20/01/2008, khi ly hôn chị Cẩm yêu cầu tiếp tục nuôi và không yêu cầu anh P cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi ly thân đến nay 02 cháu Đạt và Thanh do chị Cẩm nuôi dưỡng, ngoài ra các cháu đều có mong muốn sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn, để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý cũng như đảm bảo cuộc sống và sự phát triển bình thường của cháu nên quyết định giao cháu N Q Đ và N V T cho chị Cẩm tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng: Chị Cẩm không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] ***Về tài sản chung, nợ chung*****:** Không có.

[6] ***Về án phí***: Chị T T C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T T C

Cho chị T T C được ly hôn với anh N V P.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên N Q Đ, sinh ngày 15/3/2006 và N V T, sinh ngày 20/01/2008 cho chị Cẩm tiếp tục nuôi dưỡng, anh N V P không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Cẩm không yêu cầu.

Anh P được quyền tới thăm nom con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị T T C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016728 ngày 07/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem đã thi hành xong.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã nơi cư trú;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kim Ngọc

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P

Số: /2023/HNGĐ

Cai Lậy, ngày 31 tháng 3 năm 2023

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY

Với thành phần Hội đồng xét xử:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc.**
- Các Hội thẩm:

1- Ông **Nguyễn Văn Hiền**

2- Bà **Nguyễn Thị Kim Hạnh**

Vào hồi giờ ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 541/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị T T C, sinh năm 1987 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh T

- ***Bị đơn***: Anh N V P, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B B, xã t, h c, t T.

Sau khi xem xét các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

I. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kết quả biểu quyết: 3/3. "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung".

II. Về điều luật áp dụng: Kết quả biểu quyết: 3/3.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

III. Về nội dung: Kết quả biểu quyết: 3/3.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T T C

Cho chị T T C được ly hôn với anh N V P.

2. Về con chung: Giao có 02 con chung tên N Q Đ, sinh ngày 15/3/2006 và N V T, sinh ngày 20/01/2008 cho chị Cẩm tiếp tục nuôi dưỡng, anh N V P không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Cẩm không yêu cầu.

Anh P được quyền tới thăm nom con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Ngô Thị Cẩm phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016728 ngày 07/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem thi hành xong.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã nơi cư trú;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kim Ngọc